

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 90/2018/HS-ST

Ngày 29/11/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NHÀ QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.

Các hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Lại.

2- Ông Nguyễn Ngọc Vân.

-Th- ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Công - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 84/2018/TLST-HS ngày 14/11/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2018/QĐXXST-HS ngày 15/11/2018, đối với bị cáo:

Hà Thị T, sinh năm 1989.

Trú tại: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Viết M, sinh năm 1971; con bà: Dương Thị N, sinh năm 1971; có chồng là: Chu Văn T, sinh năm 1989; Con: có 02, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo tự thú, bị tạm giữ từ ngày 14/6/2018 đến ngày 23/6/2018. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

-Bị hại: Công ty N.

Địa chỉ: Khu Công nghiệp V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty N:

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1-Ông Hà Viết M, sinh năm 1971. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

2-Anh Chu Văn T, sinh năm 1989. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

3-Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Thị T, sinh năm 1989, trú quán: thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang là công nhân của Công ty TNHH N chuyên sản xuất linh kiện điện thoại có trụ sở ở khu công nghiệp V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 13/6/2018, T đến làm việc tại bộ phận lắp ráp tai nghe điện thoại thuộc xưởng số 10 của công ty TNHH N. Trước khi vào làm việc, T cất đồ dùng vào tủ cá nhân của mình thì quan sát thấy xưởng số 12 không có người nên nảy sinh ý định trộm cắp tai nghe điện thoại Iphone 7 của Công ty bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Để thực hiện ý định, T đeo thẻ công nhân có bầu (T khai đã nhặt được trước đó ở sân công ty rồi tự dán ảnh, ghi thông tin, của mình vào thẻ để không phải đi qua cửa từ kiểm tra công nhân ra vào xưởng) đi vào xưởng 12 lấy 01 túi bóng màu trắng ở thùng rác cạnh xưởng cầm ở tay rồi đi đến khay đựng tai nghe điện thoại Iphone 7 đã thành phẩm ở chuyền số 9 lấy 21 chiếc tai nghe Iphone 7 cho vào túi bóng mang vào nhà vệ sinh ở cạnh xưởng 12 để cất giấu. Tại đây, T lấy toàn bộ số tai nghe ra khỏi túi bóng, giấu 11 chiếc tai nghe vào tất chân phải và 10 chiếc tai nghe vào tất chân trái đang đi, mục đích đem về tủ cá nhân của mình cất giấu. Khi T đi đến cửa kiểm tra công nhân ra vào của xưởng 12 thì thấy bảo vệ là anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1990, trú tại thôn K, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và chị Vũ Thị A, sinh năm 1978, trú tại thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang đứng kiểm tra. Biết hành vi của mình không thể trốn tránh, nên T đã tự nguyện khai nhận với anh V, chị A hành vi trộm cắp của mình và được anh V đưa đến Đoàn Công an Q để trình báo sự việc. Quá trình làm việc, T giao nộp: 02 chiếc tất chân, 21 tai nghe điện thoại Iphone 7, 01 thẻ công nhân mang bầu có dán ảnh và có chữ viết mang tên T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V5s. Cùng ngày Đoàn Công an Q đã chuyển giao người, vật chứng, tài liệu có liên quan đến Công an huyện V để giải quyết theo quy định.

Ngoài hành vi trộm cắp nêu trên, T còn khai nhận 03 hành vi trộm cắp tai nghe điện thoại Iphone 7 của Công ty trước đó, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 09/6/2018, T làm việc tại xưởng 10 thì đến giờ công nhân nghỉ giữa ca đi ăn đêm. Lúc này, quan sát thấy xung quanh không có ai, T đi đến đoạn 3 chuyền 13 xưởng 10 trộm cắp 60 chiếc tai nghe Iphone 7 đã thành phẩm cất vào túi áo khoác bên ngoài của mình rồi đem vào cất giấu ở góc nhà vệ sinh ở cạnh xưởng 10. Sau đó, T giấu số tai nghe này vào hai bên tất chân của mình đang đi, sử dụng thẻ giành cho công nhân mang bầu để tránh việc phải đi qua cửa từ kiểm tra để đem số tai nghe này ra tủ cá nhân của mình cất giấu (T khai chia làm ba lần, mỗi lần 20 chiếc tai nghe). Khoảng 6 giờ ngày 10/6/2018, sau khi hết giờ làm việc, T ra tủ đồ cá nhân của mình lấy 60 chiếc tai nghe Iphone 7 đã trộm cắp được đút vào túi áo khoác ngoài đem về nhà cất giấu ở tủ quần áo của gia đình mình.

Lần thứ hai:

Khoảng 11 giờ 20 phút ngày 11/6/2018, T đang làm việc tại xưởng 10 thì đến giờ công nhân nghỉ đi ăn cơm trưa. Lúc này, T quan sát thấy trong xưởng không còn ai nên đã đi đến đoạn 3 chuyên 13 xưởng 10 trộm cắp 60 chiếc tai nghe Iphone7 cho vào trong túi áo rồi đem đến cất giấu ở góc nhà vệ sinh cạnh xưởng 10. Sau đó, T chia làm ba lần, mỗi lần cất giấu 20 chiếc tai nghe vào tất chân đang đi ở hai bên rồi sử dụng thẻ công nhân mang bầu để tránh không phải đi qua cửa từ kiểm tra đem toàn bộ số tai nghe này về tủ cá nhân của mình cất giấu. Khoảng 18 giờ cùng ngày, sau khi hết giờ làm việc, T đem 60 chiếc tai nghe Iphone 7 đã trộm cắp được về cất giấu ở tủ quần áo của gia đình mình.

Lần thứ ba:

Khoảng 11 giờ 20 phút ngày 12/6/2018 T làm việc tại xưởng 10 thì đến giờ công nhân nghỉ đi ăn cơm trưa. Lúc này, T quan sát thấy trong xưởng không còn ai nên đã đi đến đoạn 3 chuyên 13 xưởng 10 trộm cắp 60 chiếc tai nghe Iphone7 cho vào trong túi áo đem đến cất giấu ở góc nhà vệ sinh cạnh xưởng 10. Sau đó, T chia làm ba lần, mỗi lần cất giấu 20 chiếc tai nghe vào tất chân đang đi ở hai bên rồi sử dụng thẻ công nhân mang bầu để tránh không phải đi qua cửa từ kiểm tra đem toàn bộ số tai nghe này về tủ cá nhân của mình cất giấu. Khoảng 18 giờ cùng ngày, sau khi hết giờ làm việc, T ra tủ đồ cá nhân của mình lấy 60 chiếc tai nghe Iphone 7 đã trộm cắp được đút vào túi áo khoác ngoài đem về nhà cất giấu ở tủ quần áo của T.

Đến khoảng 19 giờ ngày 12/6/2018, T gọi điện cho anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1988; trú tại Khu 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang là chủ cửa hàng kinh doanh điện thoại đặt vấn đề bán tai nghe điện thoại di động Iphone 7 thì anh C đồng ý mua. Sau đó, T thuê xe ôm đem 180 chiếc tai nghe điện thoại Iphone 7 trộm cắp được trước đó đến cửa hàng điện thoại của anh C. Tại đây, T bán cho anh C 20 chiếc tai nghe được số tiền 3.600.000đồng. Sau đó, T tiếp tục đem 160 chiếc tai nghe Iphone 7 còn lại đến bán cho một cửa hàng kinh doanh điện thoại khác ở thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang (T khai không biết tên người mua, không nhớ địa chỉ cửa hàng) được 28.800.000đồng. Toàn bộ số tiền bán tai nghe điện thoại được 32.400.000đồng, T đem về cất giấu tại tủ ti vi của gia đình mình. Sau khi mua 20 chiếc tai nghe điện thoại, anh C đã bán toàn bộ số tai nghe cho người không quen biết được 4.000.000đồng.

Ngày 14/6/2018, anh Chu Văn T, sinh năm 1989 (là chồng của T) đem toàn bộ 32.400.000đồng tiền T bán tai nghe điện thoại trộm cắp cất giấu tại tủ ti vi giao nộp cho Cơ quan điều tra - Công an huyện V.

Ngày 22/6/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V tiến hành định giá và kết luận 201 chiếc tai nghe điện thoại Iphone 7 đã thành phẩm do T trộm cắp có tổng trị giá 37.185.000đồng.

Ngày 07/8/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang có kết luận giám định số 1018/KL - PC54 kết luận: Chữ viết trên tài liệu giám định (ký hiệu A trên thẻ công nhân mang bầu thu của T) so với chữ viết của Hà Thị T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người viết ra.

Tại bản Cáo trạng số 89/CT-VKSVY ngày 14/11/2018 của VKSND huyện V đã truy tố bị cáo Hà Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 – BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nh- cáo trạng của VKS đã truy tố, đồng ý với bản luận tội. Nay bị cáo thấy đ- ợc tội lỗi của mình và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tai nghe 180 chiếc bị cáo đã bán đi không thu hồi được bằng số tiền bị cáo bán số tai nghe điện thoại sau chồng bị cáo đã giao nộp tại cơ quan điều tra Công an huyện V là 32.400.000đồng và nhận lại 21 chiếc tai nghe đã thu giữ được ngoài ra không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Ông M xác định cho bị cáo mượn điện thoại để liên lạc hàng ngày, không biết bị cáo sử dụng điện thoại của mình để liên lạc trong quá trình bán tài sản trộm cắp và đề nghị xin lại chiếc điện thoại.

Anh T xác định số tiền nộp tại cơ quan điều tra để bồi thường lại cho công ty, nay không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất của vụ án và giữ nguyên quan điểm truy tố của bản cáo trạng. Đồng thời phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Hà Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” .

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS năm 2015 xử phạt Hà Thị T từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 14/6/2018 đến ngày 23/6/2018.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48- BLHS năm 2015; Điều 584, Điều 585, 589- BLDS:

Buộc bị cáo phải bồi thường cho công ty N số tiền 32.400.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 32.400.000đồng chồng bị cáo đã nộp tại Cơ quan điều tra Công an huyện V trước đó.

Vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47- BLHS năm 2015; a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106- BLTTHS năm 2015.

Trả lại công ty N 21 chiếc tai nghe điện thoại Iphone 7 .

Trả lại ông Hà Viết M 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo V5s.

Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc tất chân.

Truy thu của anh Nguyễn Văn C số tiền thu lời bất chính là 400.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự tiến hành tố tụng vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo ở tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác đã đ-ợc thu thập có trong hồ sơ vụ án. Nh- vậy, HĐXX đã có đủ cơ sở kết luận: Hà Thị T là công nhân Công ty N ở khu công nghiệp V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Trong các ngày 09/6/2018, 11/6/2018, 12/6/2018 và ngày 13/6/2018, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản T đã thực hiện 04 lần trộm cắp tổng số 201 chiếc tai nghe điện thoại Iphone 7 thành phẩm có tổng trị giá 37.185.000đồng của công ty. Bản cáo trạng số 89/CT-VKS-VY ngày 14/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Hà Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 - BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án: Trong vụ án này chỉ có một mình bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của người bị hại để chiếm đoạt tài sản nhiều lần của người bị hại với tổng giá trị tài sản là 37.185.000đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng cho người khác về việc quản lý tài sản. Vì vậy, phải xử phạt cáo với mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo đã gây ra mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 – BLHS với tình tiết phạm tội hai lần trở lên.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự HĐXX thấy: Sau khi phạm tội bị cáo tự thú, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả, tại phiên tòa đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có ông bà nội, ngoại được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51- BLHS. Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, đang nuôi con nhỏ nên miễn hình phạt bổ sung phạt tiền cho bị cáo.

Đối với anh Nguyễn Văn C người mua tai nghe điện thoại nhưng anh C không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên anh C không có hành vi vi phạm pháp luật nên không có căn cứ để xử lý xét thấy là phù hợp pháp luật.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo V5s thu giữ của T trong quá trình tự thú. Kết quả điều tra xác định chiếc điện thoại này là của ông Hà Viết M (bố đẻ T) cho T mượn sử dụng liên lạc cá nhân. Ông M không biết việc T trộm cắp tài

sản và sử dụng chiếc điện thoại này vào việc liên lạc bán tài sản trộm cắp nên ông M không vi phạm pháp luật.

Đối với người lái xe ôm, T khai không biết họ tên, địa chỉ nên Cơ quan Cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra xử lý.

Đối với anh T không biết bị cáo trộm cắp tài sản mang về nhà cất giấu nên Cơ quan CSĐT- CA huyện V không đề cập xử lý là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đại diện bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tai nghe 180 chiếc bị cáo đã bán đi không thu hồi được bằng số tiền bị cáo bán số tai nghe điện thoại sau chồng bị cáo đã giao nộp tại cơ quan điều tra Công an huyện V là 32.400.000đồng và nhận lại 21 chiếc tai nghe đã thu giữ được ngoài ra không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác là có căn cứ. Bị cáo cũng nhất trí trả lại công ty 32.400.000đ đã nộp tại cơ quan điều tra.

Về vật chứng của vụ án:

Đối với 02 chiếc tất chân bị cáo dùng vào việc phạm tội có giá trị không đáng kể cần được tịch thu tiêu hủy.

Đối với 21 chiếc tai nghe điện thoại Iphone 7 thu giữ của bị cáo là tài sản của công ty do bị cáo trộm cắp nên trả lại cho Công ty New Wing.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo V5s kết quả điều tra xác định chiếc điện thoại này là của ông Hà Viết M cho T mượn sử dụng liên lạc cá nhân. Ông M không biết việc T trộm cắp tài sản và sử dụng chiếc điện thoại này vào việc liên lạc bán tài sản trộm cắp nên cần trả lại cho ông M là phù hợp pháp luật.

Đối với số tiền 32.400.000đồng do anh Chu Văn T nộp tại Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả cho bị cáo nên cần được trả cho công ty.

Đối với Nguyễn Văn C có hành vi mua 20 chiếc tai nghe điện thoại của bị cáo T, sau đó bán cho người khác và được hưởng chênh lệch số tiền 400.000đồng, đây là số tiền thu lợi bất chính cần được truy thu buộc anh Nguyễn Văn C phải nộp lại để sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Bị cáo Hà Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

(1) Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 – Bộ luật hình sự năm 2015.

(2) Tuyên bố bị cáo Hà Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

(3) Xử phạt: Bị cáo Hà Thị T 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 14/6/2018 đến ngày 23/6/2018.

(4) Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48- BLHS năm 2015; khoản 1 Điều 584, Điều 585, 589- BLDS:

Buộc bị cáo Hà Thị T phải bồi thường cho Công ty N số tiền 32.400.000đ (*Hai mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng*). Được trừ vào số tiền 32.400.000đồng bị cáo đã nộp tại Cơ quan điều tra.(Xác nhận bị cáo đã bồi thường xong).

(5) Vật chứng vụ án: áp dụng điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47- BLHS năm 2015; a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106- BLTTHS năm 2015:

Trả lại Công ty N 21(Hai một) chiếc tai nghe điện thoại Iphone 7.

Trả lại ông Hà Viết M 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo V5s.

Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc tất chân.

Truy thu số tiền 400.000đồng buộc anh Nguyễn Văn C phải nộp để sung quỹ nhà nước.

(Các vật chứng có đặc điểm như biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên).

(6) Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 – BLTTHS năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Buộc Hà Thị T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

(7) Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333, 334- BLTTHS năm 2015.

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- THADS huyện Việt Yên;
- Bị cáo, bị hại, người CQLNVLQ;
- L- u.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã Ký

Vũ Văn Hợp